TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đình Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;
2. Ông Nguyễn Bá Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương – Thư ký Tòa án.
ại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại: Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2026, về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Xuân H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn H, xã I, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1972. Địa chỉ: C C, Tổ A H, phường P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 01 năm 2026, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lưu Thị Xuân H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông Nguyễn Tiến Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã I, thị xã A, tỉnh Gia Lai năm 1994. Tuy nhiên, quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ năm 2021, bà H đã chuyển đến sinh sống và làm ăn tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai, còn ông Đ vẫn cư trú tại phường P cho đến nay. Suốt 05 năm ly thân, hai bên hoàn toàn không có sự quan tâm, chăm sóc hay chia sẻ trách nhiệm vợ chồng.

Do việc ly thân kéo dài và những bất đồng không thể dung hòa, tình cảm của bà H đối với ông Đ đã hoàn toàn chấm dứt. Bà H nhận thấy cuộc hôn nhân này chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa, thực tế đời sống chung đã không còn.

Nay để thuận tiện cho việc làm ăn, chủ động trong các giao dịch dân sự, mua bán và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cũng như để ổn định cuộc sống riêng, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Nguyễn Tiến Đ.

2. Về con chung:

Bà H và ông Đ có 02 con là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 28/6/1996 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 27/8/2001. Hiện các con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã có gia đình riêng nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng hay cấp dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Tiến Đ:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, ông Nguyễn Tiến Đ đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả xác minh tại tổ dân phố A H, phường P, tỉnh Gia Lai (nơi cư trú của bị đơn), Tổ trưởng Tổ dân phố xác nhận:

Bà H và ông Đ thực tế đã không còn chung sống cùng nhau từ nhiều năm nay. Bà H không còn cư trú tại địa phương, ông Đ vẫn cư trú tại địa chỉ: C C, Tổ A H, phường P, tỉnh Gia Lai. Về mâu thuẫn vợ chồng thì Tổ dân phố không xác định được.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả xác minh tại địa phương, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H; về con chung và tài sản chung không xem xét do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lưu Thị Xuân H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; không yêu cầu giải quyết nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung; bị đơn ông

Nguyễn Tiến Đ có nơi cư trú tại phường P, tỉnh Gia Lai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: "Ly hôn".

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Tiến Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Lưu Thị Xuân H và ông Nguyễn Tiến Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào năm 1994. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ đã phát sinh từ lâu, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách không hòa hợp. Thực tế, hai ông bà đã ly thân liên tục suốt 05 năm qua (từ năm 2021 đến nay). Kết quả xác minh tại địa phương nơi ông Đ cư trú (phường P) cho thấy bà H đã chuyển đi nơi khác sinh sống, hai bên không còn bất cứ sự quan tâm, chăm sóc hay thực hiện nghĩa vụ chung nào của vợ chồng. Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Đ mặc dù đã nhận được các thông báo nhưng vẫn giữ thái độ im lặng, không có thiện chí hòa giải hay biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lưu Thị Xuân H.

[3] Về con chung:

Bà H và ông Đ có 02 con chung là Nguyễn Tấn T (sinh ngày 28/6/1996) và Nguyễn Thị Thanh T1 (sinh ngày 27/8/2001). Xét thấy các con hiện nay đều đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và tự lập về kinh tế. Tại phiên tòa, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; phía bị đơn ông Đ vắng mặt và cũng không có văn bản ý kiến về nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Lưu Thị Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này và ông Nguyễn Tiến Đ không có ý kiến phản hồi. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định.

[5] Về án phí:

Bà Lưu Thị Xuân H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về ý kiến của Kiểm sát viên:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phíTòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Xuân H.

1. Về hôn nhân: Bà Lưu Thị Xuân H được ly hôn với ông Nguyễn Tiến Đ.

2. Về án phí: Bà Lưu Thị Xuân H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0000314 ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lưu Thị Xuân H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Tiến Đ vắng mặt tại phiên có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7 – Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Vũ Đình Nguyên